

Giải quyết thâm hụt Thương mại ở Việt Nam bằng việc nâng cao chất lượng nền kinh tế

PGS.TS Vũ Thị Bạch Tuyết

Mục tiêu giảm nhập siêu và hướng tới cân bằng cán cân thương mại dần được dịch chuyển dần, vì cứ đến đích đã đặt ra là lại không đạt được, cụ thể: những năm 90 đạt mục tiêu năm 2000 Việt Nam sẽ cân bằng cán cân thương mại; đến năm 2000 chưa đạt, lại đặt mục tiêu 2005 sẽ cân bằng cán cân thương mại. Nhập siêu trong 5 năm 2001 – 2005 giữ ở mức 19,54 tỷ USD, chiếm 17,7% kim ngạch xuất khẩu, khi đó chúng ta đã lạc quan và đặt mục tiêu năm 2010 sẽ cân bằng cán cân thương mại. Tuy nhiên, nhập siêu ngày càng có xu hướng gia tăng, đặc biệt từ năm 2007 đến nay (Việt Nam chính thức là thành viên của WTO). Nếu như nhập siêu so với xuất khẩu năm 2006 là 12,7%; thì năm 2007 đã là 29,05%; năm 2008 là 27%; năm 2009 là 21,6%; 10 tháng đầu năm 2010 đã là 16,4%. Đến lúc này chúng ta lại thấy mục tiêu cân bằng cán cân thương mại được dịch sang năm 2015. Nhưng có lẽ mục tiêu này khó mà đạt được nếu không có bước đột phá chính từ nền kinh tế Việt Nam.

Nhập siêu sẽ còn là bản chất của nền kinh tế yếu trên sân chơi toàn cầu. Vấn đề quan trọng lúc này không phải là tìm mọi cách hạn chế nhập khẩu để đạt đến mục tiêu cân bằng cán cân thương mại đã được đặt ra, mà phải kiên quyết thực hiện một giải pháp tổng thể nâng cao chất lượng nền kinh tế Việt Nam.

Phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, kiên quyết thực hiện chiến lược “sản xuất thay thế hàng nhập khẩu”.

Phân tích cơ cấu xuất nhập khẩu 10 tháng đầu năm 2010, cho thấy các mặt hàng

xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là xuất khẩu tài nguyên của đất nước; nếu các mặt hàng có được từ sản xuất thì lại phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu. Cụ thể:

Kim ngạch xuất khẩu 10 tháng đầu năm 2010 là 57.776 tỉ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu của 8 mặt hàng lớn nhất như sau:

Nhập khẩu 10 tháng đầu năm 2010 là 67.268 tỉ USD, trong đó 6 mặt hàng nhập khẩu lớn nhất như sau:

Xuất khẩu dệt may chiếm đạt hàng đầu trong kim ngạch xuất khẩu, nhưng kim ngạch xuất khẩu là 9.116 tỉ USD thì

riêng kim ngạch nhập khẩu vải đã là 4,354 tỉ USD, chưa kể đến phải nhập khẩu các nguyên liệu khác cho sản xuất hàng dệt may. Việc sản xuất hàng giày dép cũng chủ yếu phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu. Còn lại, việc xuất khẩu dầu thô, thủy sản, đá quý và kim loại quý, gỗ, gạo đều là xuất khẩu tài nguyên quốc gia. Trong 8 mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch lớn, chỉ có mặt hàng xếp thứ 5 là điện tử, máy tính coi là ngành công nghiệp hiện đại của Việt Nam, xuất khẩu mới đạt 2,854 tỉ USD thì nhập khẩu linh kiện đã là 4,103 tỉ USD, còn lớn hơn cả kim ngạch của sản phẩm xuất khẩu.

Đơn vị: tỉ USD

TT	Mặt hàng XK	Kim ngạch	TT	Mặt hàng XK	Kim ngạch
1	Dệt may	9,116	5	Điện tử, máy tính	2,854
2	Giày dép	4,058	6	Đá quý, KL quý	2,797
3	Dầu thô	4,040	7	Gỗ và SP gỗ	2,756
4	Thủy sản	4,011	8	Gạo	2,854

(Trích từ nguồn của Tổng cục Thống kê)

Đơn vị: tỉ USD

TT	Mặt hàng NK	Kim ngạch	TT	Mặt hàng NK	Kim ngạch
1	MM, thiết bị	10,802	4	Vải	4.354
2	Xăng dầu	5.127	5	Linh kiện ĐT, MT	4,103
3	Sắt thép	4.905	6	Chất dẻo	3.066

(Trích từ nguồn của Tổng cục Thống kê)

Những số liệu trên đã cho thấy một cơ cấu xuất khẩu không mang tính bền vững dựa vào tài nguyên sẽ ngày càng cạn kiệt và việc sản xuất hàng xuất khẩu phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu. Đã nhiều năm mở cửa, nhưng hình thức “gia công xuất khẩu” vẫn được duy trì ở nhiều mặt hàng cho là lợi thế của Việt Nam, vì vậy phần lớn lợi nhuận rơi vào tay đối tác nước ngoài, phần còn lại cho Việt Nam chỉ là công lao động rẻ mạt. Chính sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu bấy lâu nay đã tạo nên những khó khăn cho điều hành chính sách tỷ giá. Khi tỷ giá hối đoái tăng, về ngắn hạn, xuất khẩu được lợi chút ít thì nhập khẩu lại trở nên bất lợi; về dài hạn, giá nguyên liệu nhập khẩu tính bằng nội tệ tăng, sau một chu kỳ sản xuất đã làm cho giá hàng xuất khẩu tăng, và do đó giảm lợi thế cạnh tranh hoặc giảm lợi nhuận cho hàng xuất khẩu; Mặt khác, tỷ giá hối đoái tăng còn tác động xấu cho thị trường tiêu dùng trong nước do giá hàng tiêu dùng nhập khẩu tăng, như vậy, lợi ít mà hại nhiều. Đây là điểm khác biệt về bản chất giữa nền kinh tế Việt Nam với nền kinh tế Trung Quốc.

Trong chiến lược phát triển kinh tế đến năm 2010, chúng ta đã đặt mục tiêu thoát

khỏi sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu và thoát khỏi cảnh gia công xuất khẩu, nhưng dường như việc thực hiện không được là bao.

Phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ song song với đầu tư công nghệ hiện đại cho sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện chiến lược “sản xuất thay thế hàng nhập khẩu” sẽ là con đường Việt Nam cần có quyết tâm chuyển thành hiện thực.

Muốn khai thác các cơ hội trên sân chơi của WTO thì phải vượt qua các thách thức hiện tại.

Từ khi là thành viên chính thức của WTO, nền kinh tế Việt Nam đã bộc lộ rõ một sự cạnh tranh yếu trong môi trường có những đối tác quá mạnh trên nhiều phương diện. Nguyên nhân không chỉ là chất lượng hàng hóa thấp, mà còn là chất lượng nhân lực, cơ chế chính sách, hệ thống luật pháp... đều bất cập. Nếu không có sự thay đổi cơ bản thì khó tận dụng được các cơ hội từ hội nhập, thậm chí sẽ bị lấn át trong xu thế cạnh tranh bình đẳng theo yêu cầu từ hội nhập kinh tế với khu vực và toàn cầu. Những thay đổi cần thiết là:

- Điều hành vĩ mô nền kinh tế theo hướng kinh tế thị trường, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Nâng

cao năng lực điều hành vĩ mô của các Bộ. Ngành theo hướng tăng khả năng liên kết giữa các nhà xuất nhập khẩu của Việt Nam sao cho không còn cảnh tượng chúng ta cạnh tranh mua và cạnh tranh bán dẫn đến nhiều thua thiệt trong hoạt động xuất nhập khẩu (giá nhập khẩu cao, giá xuất khẩu thấp). Hiện tượng đó không những làm cho “miếng bánh” của chúng ta nhỏ dần, mà còn là nguyên nhân dẫn đến các đối tác kiện Việt Nam bán phá giá. Nhìn lại những năm vừa qua đã hiện rõ một bức tranh điều hành vĩ mô theo kiểu “giặt gầu vá vai”, chưa có những bút pháp để tạo niềm tin cho một sự phát triển bền vững. Bởi vì chúng ta đã bị vướng vào “vòng luân quần” chưa có lối thoát. Chính sách tiền lương luôn chạy theo lạm phát và cơ bản không thỏa đáng đã không thu hút được nhân lực chất lượng cao làm việc tại các cơ quan điều hành vĩ mô. Nếu như không có sự thay đổi trong cơ chế chính sách, trong đó có chính sách tiền lương và tuyển dụng nhân lực thì việc nâng cao năng lực điều hành vĩ mô vẫn chỉ là “trên giấy”.

- Trong hoạt động thương mại, một mặt sẽ tận dụng tối đa điều kiện cho phép đối với “nền kinh tế đang phát triển ở trình độ thấp” để kiểm soát hoạt động xuất nhập khẩu theo

hướng tạo thuận lợi cho xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu: mặt khác, cấp bách chuẩn bị các điều kiện để chuyển dần sang sử dụng chủ yếu hàng rào kỹ thuật – là loại hàng rào thương mại được phép áp dụng với lý do bảo vệ con người và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng hàng hóa.

Sau gần 4 năm là thành viên chính thức của WTO, các nhà khoa học đã phân tích và rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu, nhưng dường như vận dụng nó vào thực tiễn thương mại Việt Nam để mà “khôn hơn lên” không được là bao. Những thua thiệt của chúng ta không hề giảm mà còn có vẻ tăng lên trong hoạt động thương mại, điều đó chứng tỏ chưa có biện pháp đột phá để vượt qua những thách thức nên không tận dụng được cơ hội trên sân chơi này. Có 2 rào cản thương mại là: rào cản “kỹ thuật” đã chặn đứng hàng hóa xuất khẩu với chất lượng chưa cao của Việt Nam trên các thị trường; rào cản “chống bán phá giá” lại chặn đứng biện pháp cạnh tranh qua giá thấp của hàng hóa Việt Nam. Trong khi đó, với hàng nhập khẩu thì chúng ta vẫn chưa sử dụng được hai rào cản này để kiểm soát. Càng ngày hàng hóa nhập khẩu càng lũng đoạn ở thị trường trong nước, có nguy cơ “đè bẹp” hàng nội địa trên “sân nhà”. Chưa nói đến vấn đề nhập lậu, chúng ta chưa có cách gì để không nhập khẩu những hàng hóa trong nước đã sản xuất được, như: gạo, hàng may mặc sẵn, giày dép, thịt...; hàng xa xỉ nhập khẩu từ Trung

Quốc tràn lan trên thị trường nội địa.

Lấy dẫn chứng về quan hệ thương mại Việt Nam – Trung Quốc càng thấy rõ nguy cơ thâm hụt thương mại gia tăng trước đối tác vừa lớn vừa khôn hơn ta. Nhập siêu từ thị trường Trung Quốc ngày càng lớn cả về giá trị và tỷ lệ tương đối. Năm 2001 nhập siêu từ Trung Quốc mới là 210 triệu USD và tỉ lệ nhập siêu trên xuất khẩu là 14,8% (trong khi đó tỉ lệ này của cả nước là 7,9%) . năm 2009 đã lên tới 11,2 tỷ USD và tỉ lệ đó là 143,89% (tỉ lệ của cả nước là 21,6%); dự kiến năm 2010 sẽ trên 220% (cả nước sẽ là 19,8%). Điều đáng nói ở đây không chỉ từ số liệu trên mà còn ở chất lượng các loại hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc, đặc biệt là nhóm hàng máy móc thiết bị. Hàng Việt Nam xuất sang Trung Quốc thường là thương hiệu danh tiếng và chỉ được vào theo tuyến cửa khẩu do Trung Quốc qui định, bị kiểm soát theo tiêu chuẩn kỹ thuật ngặt nghèo; hàng Trung Quốc vào Việt Nam đa phần là hàng chất lượng thấp và bằng mọi con đường (kể cả buôn lậu). Từ khi Hiệp định thương mại tự do Trung Quốc – ASEAN có hiệu lực (1/1/2010) Trung Quốc đã nhanh chóng tận dụng sự ưu đãi theo cam kết của Hiệp định; Ngược lại, Việt Nam chưa tận dụng được gì, chỉ có khoáng sản xuất thô sang Trung Quốc là “vô tư”, các hàng hóa khác bị chặn lại bởi rất nhiều rào cản mà họ đặt ra khiến doanh nghiệp Việt Nam nhiều phen điêu đứng.

Thực hiện chiến lược

tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu

Ngay sau khi vượt qua những khó khăn của khủng hoảng kinh tế, kiên quyết cơ cấu lại nền kinh tế, chấp nhận tăng trưởng thấp và có thể có những đổ vỡ, nhưng nhất định chúng ta phải chuyển dần tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu thì mới đứng vững trong cạnh tranh và phát triển bền vững.

Muốn tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu thì trước hết phải coi trọng yếu tố nhân lực, tiếp theo là yếu tố khoa học công nghệ. Chúng ta vẫn nói như vậy, nhưng vấn đề là thông qua sự cải tổ lớn để chuyển từ lý thuyết sang thực tiễn. Thời gian qua, chúng ta đã phải bỏ ra những chi phí hành chính quá nhiều cho tuyên truyền, nào là Nghị quyết Trung ương II về “Ưu tiên đầu tư cho khoa học công nghệ và giáo dục đào tạo”, nào là “Học tập và làm theo gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh”... Thực tế vẫn không khá lên được bao nhiêu, nguyên nhân chính là hành động của chúng ta không thay đổi, nên mong muốn tự nó không biến thành hiện thực được khi mà những mong muốn đó nặng về hình thức. Quá trình chuyển đổi nền kinh tế còn ị ạch, nên sử dụng không có hiệu quả nguồn nhân lực quốc gia.

Nếu không có cách nhìn tích cực cho tăng trưởng kinh tế thời gian tới thì chúng ta không thể có được tăng trưởng bền vững, và do đó chúng ta sẽ vẫn tiếp tục thâm hụt thương mại.